

Số: 73/2020/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 24 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 143/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số nhà 91, tổ 1, phường Th, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh **Phương Công Q**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Đồn biên phòng C - Bản N, xã N1, huyện Đ1, tỉnh Điện Biên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 58 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Nh và anh Phương Công Q

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Nh và anh Phương Công Q thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Nh và anh Phương Công Q có hai con chung là Phương Tiến D, sinh ngày 24/12/2007 và Phương Trà M, sinh ngày 31/7/2012. Chị Nh được

quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Anh Phương Công Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị Nhường với mức 3.000.000đ/ tháng/ một cháu, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/7/2020, thanh toán bằng tiền mặt vào ngày mùng 10 hàng tháng cho đến khi hai con chung thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày chị Nh có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Q không tự nguyện thi hành đối với khoản cấp dưỡng thì anh Q phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 468/BLDS năm 2015.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không có.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5, Điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Chị Nh và anh Q mỗi người phải chịu 75.000đ án phí DSST, anh Q phải chịu 150.000đ án phí DSST của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị Nh tự nguyện chịu cả phần án phí DSST và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Q. Tổng số tiền án phí DSST chị Nh phải nộp là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST chị Nh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003428 ngày 02/6/2020, chị Nh đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND P. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Duy